

VAI TRÒ CỦA ÂM NHẠC DÂN GIAN TRONG VIỆC TÌM NGƯỜI ĐỒNG TỘC CỦA NGƯỜI BỐ Y Ở TỈNH HÀ GIANG

TRẦN QUỐC VIỆT*

TÓM TẮT

Khi nghiên cứu xác định thành phần dân tộc, các nhà nghiên cứu thường ít quan tâm đến âm nhạc dân gian vì cho rằng âm nhạc dân gian không có vai trò gì đối với vấn đề này. Tuy nhiên, âm nhạc dân gian và cuộc tìm người đồng tộc của nhóm người Bố Y ở tỉnh Hà Giang đã phát lộ tác dụng hỗ trợ của âm nhạc dân gian trong việc đánh giá những tương đồng về quê quán, ngôn ngữ cổ và một số đặc trưng văn hóa khác. Điều đó cho thấy vai trò tích cực của âm nhạc dân gian trong việc xác định các thành phần dân tộc.

Từ khóa: Bố Y, âm nhạc dân gian, thành phần dân tộc.

ABSTRACT

The role of folk music in the search for people of the same family by the Bo Y ethnic group in Ha Giang province

Researching to identify ethnic compositions, researchers are less interested in folk music because they think that folk music do not play any role in this matter. However, folk music and the search for people of the same family by the Bo Y ethnic group in Ha Giang province have revealed the effects of folk music in assessing the similarities of hometown, ancient language and some other cultural characteristics. This suggests some positive roles of folk music in determining the ethnic compositions.

Keywords: Bo Y, folk music, ethnic compositions.

1. Mở đầu

Bố Y là tộc người thiểu số thuộc nhóm ngữ hệ Tày – Thái, di cư từ Quý Châu, Trung Quốc đến Việt Nam vào khoảng giữa thế kỉ XIX [2], [5]. Trong quá trình di cư, một số người Bố Y đã bị thất lạc nhau. Nhóm người Bố Y ở Hà Giang cho rằng có thể những người đồng tộc thất lạc của họ hiện đang sống đâu đó tại những tỉnh khác ở Việt Nam và mang những tộc danh không phải là Bố Y. Vì vậy, các nghệ nhân và thầy cúng người Bố Y đã tổ chức một cuộc tìm người đồng tộc ở Việt Nam. Điều đáng chú ý là

một trong những căn cứ được dùng để xác định người đồng tộc của họ là âm nhạc dân gian. Điều đó cho thấy âm nhạc dân gian có một vai trò nhất định trong việc xác định thành phần dân tộc.

Đối với các nhà nghiên cứu, những căn cứ được dùng để xác định các thành phần một tộc người bao gồm: ngôn ngữ, đặc trưng văn hóa và ý thức tự giác dân tộc [5]. Với người Bố Y, các ông Ngũ Khởi Phụng, La Tiến Tài, La Xuân Thành (cùng là người Bố Y ở Hà Giang), cho biết khi tìm người đồng tộc, ngoài ngôn ngữ và đặc trưng văn hóa, họ còn

*NCS, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam; Email: puytran@yahoo.com.vn

căn cứ vào quê hương bản quán của tộc người khi xưa ở Trung Quốc. Tuy nhiên, trong ngôn ngữ và đặc trưng văn hóa, họ chỉ quan tâm tới ngôn ngữ cổ được lưu giữ trong các bài dân ca, hát cúng cổ truyền, bài hát cúng và các nghi tục riêng trong lễ cúng ma. Như vậy, các căn cứ để tìm người đồng tộc của người Bô Y có phần giản đơn, cụ thể hơn so với các căn cứ xác định các thành phần dân tộc của các nhà nghiên cứu.

Tuy nhiên, trong quá trình giao lưu văn hóa lâu dài với các tộc khác, những căn cứ dùng để xác định các thành phần dân tộc nêu trên có thể bị phai mờ hoặc thay đổi tới mức khó nhận ra. Quá trình nhóm người Bô Y ở Hà Giang sử dụng âm nhạc dân gian để tìm những căn cứ đó được trình bày sau đây.

2. Xác định tương đồng về quê hương bản quán

Qua lời ca trong một số bài hát cúng và giao duyên, người Bô Y có thể xác định quê hương bản quán của họ.

Theo nhà nghiên cứu Chu Thái Sơn: “Ngày nay, biểu hiện trong văn hóa tinh thần của người Bô Y, chúng ta chỉ còn thấy một vài chi tiết ở nội dung bài cúng qua việc đưa âm hồn người chết về đất Quý Châu, về tận thôn bản cư trú xưa của họ” [5, tr.328].

Thật vậy, trong lễ cúng ma của nhóm người Bô Y ở Hà Giang có bài hát cúng chỉ đường cho hồn người quá cố về quê cũ. Trong bài cúng này có đoạn không chỉ nói rõ địa danh quê cũ mà còn miêu tả đặc điểm địa hình, môi trường sinh thái nơi đó ra sao. Chẳng hạn, tại đám ma của một gia đình họ La, người Bô Y ở xã

Quyết Tiến (thuộc huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang) mà chúng tôi đã tham dự, bài cúng chỉ đường có đoạn nêu rõ tên quê cũ là Quý Châu, đồng thời miêu tả nơi xưa kia tổ tiên của tang gia sinh sống là một làng có nhiều ruộng cấy lúa nước; rừng nơi đây nhiều cây to và làng cũ này nằm liền cạnh một con sông lớn. Đoạn hát này người Bô Y gọi là *san vừ*, do ông La Xuân Thành – thầy cúng người Bô Y dịch như sau:

...Mày tìm về Quý Châu

Làng mày có 12 cánh đồng lúa

Làng mày có nhiều rừng cây to

Làng mày cạnh con sông nhiều nước...

Ngoài ra, trong một bài hát giao duyên mang tên *Gái hiền trai hay túm* (dân ca Bô Y, do ông Ngũ Khởi Phụng dịch) có những chi tiết trong ca từ cho phép xác định rõ hơn về quê quán của nhóm người Bô Y ở Hà Giang tại Quý Châu. Chẳng hạn trong bài có hai câu hát dưới đây:

...Nàng ở giữa phố hay giữa làng

Nhà trông bông hay nhà dệt vải?...

Qua hai câu hát trên có thể thấy, xưa kia tại Quý Châu, người Bô Y sống cả ở vùng thành thị cũng như vùng ven đô; họ có nghề trồng bông và dệt vải. [1]

Như vậy, nếu dân ca và hát cúng của một nhóm người khác ở Việt Nam cũng có những chi tiết về quê hương bản quán thì việc so sánh để xác định xem họ có cùng quê hương bản quán với nhóm người Bô Y ở Hà Giang hay không là việc có thể làm. Trong thực tế, nhóm người Bô Y ở Hà Giang đã thực hiện việc so sánh dân ca và hát cúng của họ với dân ca và hát cúng của

nhóm người Pú Nả ở Lai Châu. Chúng tôi sẽ nêu thêm một số khía cạnh liên quan tới việc này trong phần 3.

3. Xác định tương đồng về ngôn ngữ cổ

Ngôn ngữ mẹ đẻ của một nhóm người có thể bị mai một hoàn toàn và được thay thế bằng một ngôn ngữ khác. Nhóm người Bồ Y ở Hà Giang tuy còn giữ được tiếng mẹ đẻ nhưng cũng quên khá nhiều từ và có những từ bị pha tạp với ngôn ngữ các tộc người lân cận. Do đó, nếu so sánh ngôn ngữ nói thường ngày trong đời sống hiện nay để xác định mức độ tương đồng khác biệt sẽ cho kết quả không chính xác. Vì vậy, việc tìm ngôn ngữ cổ để so sánh là cần thiết. May mắn là ngôn ngữ Bồ Y cổ vẫn còn được lưu giữ trong các bài dân ca (đặc biệt trong các bài hát cúng). Nhận thức được điều này, nhóm người Bồ Y ở Hà Giang đã dùng lời ca của các bài dân ca và hát cúng như một căn cứ để so sánh ngôn ngữ trong cuộc tìm kiếm người đồng tộc. Nhóm người được họ so sánh ngôn ngữ là nhóm người Pú Nả ở tỉnh Lai Châu:

Qua tìm hiểu, chúng tôi được nghệ nhân Ngũ Khởi Phụng cho biết: nhóm người Bồ Y ở Hà Giang cho rằng ở Việt Nam có những nhóm người đồng tộc với mình nhưng không rõ là nhóm nào và ở đâu; trong một cuộc họp, ông Dương Đức Khoan, người Bồ Y ở xã Quyết Tiến, huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang tình cờ gặp ông Lò Văn Chiến, người Pú Nả ở Tam Đường, Lai Châu; hai người thấy ngôn ngữ có nhiều tương đồng nên nảy sinh ý định tìm hiểu xem liệu nhóm người Pú Nả ở Lai Châu và nhóm người

Bồ Y ở Hà Giang có phải là hai nhóm người đồng tộc hay không.

Để so sánh ngôn ngữ, họ sử dụng các bài hát nghi tục trong đám cưới của hai nhóm. Ông Lò Văn Chiến gửi một cuốn sách về hát đám cưới của người Pú Nả cho ông Dương Đức Khoan mang về Hà Giang để các nghệ nhân và thầy cúng Bồ Y ở Hà Giang so sánh với hát đám cưới của tộc mình. Sau khi so sánh ca từ của hát nghi tục đám cưới Pú Nả với hát nghi tục đám cưới Bồ Y, các ông Ngũ Khởi Phụng, La Tiến Tài, Dương Đức Khoan, La Xuân Thành và Phan Ngọc Sinh cùng chung một nhận xét: lời ca hầu hết tương đồng, chỉ có một số từ hơi khác về cách phát âm so với từ Bồ Y tương ứng. Họ tiếp tục so sánh các bài ca dùng trong tang lễ của hai nhóm. Ông La Xuân Thành cho biết: “Ca từ trong các bài hát đám cưới và hát cúng ma của nhóm Pú Nả và nhóm Bồ Y giống nhau tới 80%”. Chính vì vậy, ông nảy sinh ý định đối chiếu các bài cúng cùng loại của hai nhóm người Bồ Y ở Hà Giang và Pú Nả ở Lai Châu để tìm nghĩa những từ mà nhóm này đã quên nhưng nhóm kia vẫn còn nhớ.

Ngoài việc dùng âm nhạc dân gian để so sánh sự tương đồng trong ngôn ngữ, nhóm người Bồ Y ở Hà Giang còn dùng nó trong việc xác định sự tương đồng ở một số khía cạnh văn hóa khác của các nhóm người.

4. Xác định tương đồng trong bài hát cúng và các nghi tục riêng

Nhóm người Bồ Y ở Hà Giang sử dụng bài hát cúng riêng trong lễ cúng ma để xác định người đồng tộc. Theo các

thầy cúng, chỉ lễ cúng ma của người Bô Y mới có bài hát cúng này. Vì vậy, nếu một nhóm người nào đó cũng sử dụng bài cúng đó trong lễ cúng ma thì có thể họ là người Bô Y. Bài cúng riêng mà họ nói tới chính là bài *Tả vình* (tức là *Mắng yêu tinh*) trong sách cúng ma.

Nội dung bài *Tả vình* kể về sự tích vì sao người chết phải làm ma [3], [4]. Lời ca của *Tả vình* kể lại sự thỏa thuận xưa kia giữa tang gia và yêu tinh về việc thay thế xác người chết bằng thịt trâu, bò để trả món “nợ miệng” với yêu tinh. Cuối bài là những lời “mắng” để xua đuổi yêu tinh sau khi đã trả hết nợ cho nó. Bài cúng được diễn xướng trước khi thực hiện nghi lễ giết trâu, bò và lợn. Các thầy cúng cho biết, việc mời dân làng ăn thịt trâu, bò và lợn có ý nghĩa trả món nợ cũ cho yêu tinh¹.

Cách diễn xướng bài *Tả vình* hoàn toàn khác với cách diễn xướng những bài thông thường. Trước khi hát bài *Tả vình*, bao giờ thầy cúng cũng phải múa kiếm và hú hét nhằm thể hiện uy lực, trấn áp yêu tinh. Khi hát nội dung đoạn đầu của bài cúng về việc những người con trai lên rừng chặt cây về đóng quan tài cho người mẹ mới chết, thầy cúng hát với âm lượng vừa phải, giọng hát bình thường như khi hát các bài cúng khác. Đặc biệt, khi tới đoạn gặp, thỏa thuận với yêu tinh và xua đuổi nó, thầy cúng hát với âm lượng to hơn, đôi giọng gay gắt, nhấn dứt khoát vào tiết tấu đảo phách ở cuối các câu hát. Theo thầy cúng La Tiến Tài, hát như vậy mới làm yêu tinh sợ, không dám quấy rối người chết và tang gia nữa². Bài cúng chỉ do một thầy cúng hát, không có nhạc đệm

với tư thế vừa đi vừa hát. Việc diễn xướng bài hát trên gắn liền với những hành động nghi lễ nhằm xua đuổi yêu tinh được thực hiện trước, trong và sau khi bài hát kết thúc:

Trước khi hát, tang gia phải chuẩn bị sẵn một con trâu và một con bò còn sống, buộc giữa bãi cỏ. Thầy cúng làm nghi lễ trấn áp yêu tinh bằng cách dậm chân, vung kiếm và hú hét bốn phương. Khi hát, thầy cúng vừa hát vừa vác kiếm dẫn đầu đoàn các con cháu của người quá cố đi vòng quanh hai con vật. Đến khi hát xong, thầy cúng lại hét to và vung kiếm và ném kiếm về phía hai con vật và cả đoàn người dừng lại. Những người đàn ông nhanh nhẹn, khỏe mạnh, là người thân của người quá cố, mang dao đến cắt cổ hai con vật. Họ không được cắt đứt lia. Nếu không may, họ cắt quá tay, làm đầu hai con vật lia khỏi cổ thì tang gia sẽ rất tức giận. Bởi vì người Bô Y cho rằng, như vậy có nghĩa là yêu tinh không nhận vật tế lễ và nó sẽ hại người quá cố.

Lễ cúng ma của nhóm người Pú Nả ở Lai Châu cũng có một bài hát cúng có tên *Tả vình*. Mặc dầu không có nghi tục giết trâu - bò hiến tế cho yêu tinh kèm theo với bài cúng này như ở lễ cúng ma của nhóm người Bô Y ở Hà Giang, nhưng hầu hết lời ca và cách thức hát như nhau.

Từ các khía cạnh tương đồng nêu trên, hiện nay nhóm người Bô Y ở Hà Giang và nhóm người Pú Nả ở Lai Châu tiếp tục giao lưu ngày càng nhiều hơn để tìm hiểu thêm những mặt tương đồng khác.

5. Kết luận

Như vậy, trường hợp trên cho thấy

thêm một cách thức tìm người đồng tộc khá độc đáo của nhóm người Bó Y ở Hà Giang. Âm nhạc dân gian được chính người dân coi như một trong những yếu tố để xác định những tương đồng về ngôn ngữ và một vài đặc trưng nổi bật của văn hóa, cũng như có giá trị tích cực trong việc tìm người đồng tộc. Điều này đồng thời cũng cho thấy ở những trường hợp cụ thể, âm nhạc giữ vai trò quan trọng

như thế nào trong việc so sánh và tìm ra những tương đồng ở các khía cạnh riêng, đặc biệt trong đời sống văn hóa của các nhóm người. Vì thế, khi nghiên cứu và xác định các thành phần dân tộc, người nghiên cứu không nên xem nhẹ hoặc bỏ qua yếu tố âm nhạc dân gian mà làm mất đi những cơ hội đáng quý có thể bổ sung và nâng cao độ xác thực cho các căn cứ khoa học của mình.

¹ Phòng văn thầy cúng La Tiến Tài ngày 12-11-2010 tại lễ cúng ma ở thôn Tân Tiến (xã Quyết Tiến, huyện Quan Bạ, tỉnh Hà Giang).

² Phòng văn thầy cúng La Tiến Tài ngày 14-11-2010 tại lễ cúng ma ở thôn Tân Tiến (xã Quyết Tiến, huyện Quan Bạ, tỉnh Hà Giang).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngũ Khởi Phương (2005), *Dân ca Bó Y* (tài liệu viết tay), Hà Giang.
2. Ngũ Khởi Phương (2005), *Văn hóa dân tộc Pu Y ở Việt Nam* (tài liệu viết tay), Hà Giang.
3. La Tiến Tài (1960), *Khào xâu đình*, sách mo (tài liệu viết tay), Hà Giang.
4. La Tiến Tài (1960), *Khào xâu ho*, sách mo (tài liệu viết tay), Hà Giang.
5. Viện Dân tộc học (1975), *Vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 23-7-2014; ngày phản biện đánh giá: 24-7-2014;
ngày chấp nhận đăng: 17-4-2015)